TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 433/2023/DS-PT
Ngày: 22/11/2023
V/v "*Tranh chấp huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Mai;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 361/2023/TLPT-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023, của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 358/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1938; địa chỉ: Số nhà A tổ E, ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Chị Phạm Thị Thúy A, sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp B, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2022); có mặt.

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1942; địa chỉ: Số nhà A tổ E, ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Minh H (M), sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà A tổ E, ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà A tổ E, ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Lê Văn L là nguyên đơn (do người đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị Thúy A thực hiện).

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-7-2022 và trong quá trình xét xử vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông L, bà T có 10 người con nhưng đã chết 02 người, còn 08 người gồm: Anh Lê Văn T1, chị Lê Thị V, chị Lê Thị Mỹ N, chị Lê Thị Mỹ D, chị Lê Thị Mỹ L2, chị Lê Thị Thanh T2, anh Lê Văn T3 và anh Lê Minh H.

Năm 2015 ông Lê Văn L, bà Phạm Thị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.345m^2 thửa 522 tờ bản đồ số 35, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01365 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 19/11/2015. Năm 2018 ông L, bà T bán cho anh P – cháu ngoại diện tích 215,2m^2 với số tiền 150.000.000 đồng, bán cho chị Lê Thị V (người con thứ 3) diện tích 636,8m^2 với số tiền 350.000.000 đồng, nhưng để giảm tiền thuế thì làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Ngoài ra ông L, bà T cũng đã tặng cho các người con khác, kể cả anh H nhưng anh H đã bán phần đất này cho người khác. Năm 2018, cùng thời điểm làm hợp đồng tặng cho anh P, chị V thì phần diện tích còn lại ông L, bà T tặng cho anh Lê Minh H, trong hợp đồng tặng cho không ghi điều kiện tặng cho nhưng có thỏa thuận miệng, đây là tài sản duy nhất còn lại và anh H là con út trong gia đình, tặng cho đất anh H thì anh H phải có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ tuy nhiên anh H vi phạm nghĩa vụ, không chăm sóc, lo lắng, không chu cấp tiền để trang trải chi phí sinh hoạt hằng ngày mà tất cả đều do người con thứ hai – anh Lê Văn T1 cấp dưỡng từ tháng 06/2022 để chị V chăm sóc ông L bà T.

Nay ông L, bà T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/10/2018 giữa ông L, bà T và anh H đối với diện tích 1.439,1m^2 thửa 780 tờ bản đồ 35, trên đất hiện nay có căn nhà cấp 4 ông L bà T đang sinh sống trong căn nhà này.

Bị đơn – anh Lê Minh H trình bày:

Anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T. Ông L, bà T tự

nguyện tặng cho anh. Hiện nay ông L, bà T đã già yếu không xài tiền nữa, chi phí sinh hoạt hằng ngày đều do anh ruột thứ hai cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng để nuôi ông L, bà T từ khoảng 20 năm cho đến nay. Do anh T1 làm ăn khá giả hơn những người anh em còn lại, đồng thời có con có chồng nước ngoài có nhiều tiền, cho đến nay anh T1 vẫn còn cấp dưỡng nuôi cha mẹ, còn vợ chồng anh và chị V thay phiên nhau chăm sóc. Do chị V không có gia đình nên ở cùng cha mẹ chịu trách nhiệm chăm lo, nấu cơm hằng ngày cho cha mẹ ăn cách nay cũng khoảng 20 năm. Thời gian gần đây vợ chồng anh và chị Mỹ N có mâu thuẫn nên vợ chồng anh ra ở riêng được khoảng 04 tháng, mọi việc chăm sóc lo lắng cho ông L, bà T do bà V chịu trách nhiệm chăm sóc.

Ngoài diện tích 1.439,1m^2 thửa 780 tờ bản đồ 35 ông L, bà T tặng cho anh thì không còn tặng cho phần diện tích nào khác. Chỉ có một phần đất ông L bán cho người khác có cho anh vài triệu để xài chứ không phải cho đất. Ngoài ra ông L bà T có tặng cho chị N (vừa bán vừa cho anh P đứng tên), chị V, chị D, anh T3 mỗi người một phần để cất nhà ở; chị V đã bán một phần cho người khác, anh T3 cũng đã bán đất cho người khác. Phần diện tích 636,8m^2 là ông L, bà T cho chị V đứng tên giùm nhưng hiện nay chị V cũng đã bán cho người khác.

Hiện nay ông L, bà T không còn minh mẫn, nghe lời xúi giục của những người chị của anh để khởi kiện đòi lại đất. Anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T. Anh vẫn đồng ý để cho ông L, bà T ở trên nhà đất cho đến khi chết. Từ khi anh chưa có gia đình thì anh T1 biết hoàn cảnh của anh khó khăn nên anh T1 tự nguyện gửi tiền để chăm sóc cha mẹ chứ không phải thời gian gần đây mới gửi tiền chăm sóc.

Giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp theo Hội đồng định giá đã định là: 2.290.000 đồng/m^2 x 1.289m^2 = 2.951.810.000 đồng.

Giá trị tài sản trên đất:

- Cây dừa có trái: 06 cây x 600.000 đồng/cây = 3.600.000 đồng;

- Cây dừa chưa có trái có thân cây: 03 cây x 250.000 đồng/cây = 750.000 đồng;

- Cây mít 06 năm tuổi: 02 cây x 600.000 đồng/cây = 1.200.000 đồng;

- Cây me 06 năm tuổi: 01 cây x 400.000 đồng/cây = 400.000 đồng;

- Cây bưởi 02 năm tuổi: 01 cây x 220.000 đồng/cây = 220.000 đồng;

- Căn nhà cấp 4 trên đất đã xuống cấp, không còn giá trị khấu hao tài sản;

- Công trình phụ, chuồng bò tạm, nền chuồng heo đã xây cất nhiều năm và hiện tại đã bỏ hoang nên giá trị còn lại không xác định.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023, của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 459, 462, 500, 503 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, 157, 165, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 103 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà Phạm Thị T đối với anh Lê Minh H về yêu cầu "Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05-10-2018 giữa ông Lê Văn L, bà Phạm Thị T và anh Lê Minh H đối với diện tích 1.439,1m^2 (đo đạc thực tế 1.289m^2) thửa 780 tờ bản đồ 35 tọa lạc tại ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Lê Văn L, bà Phạm Thị T được quyền sử dụng phần đất diện tích 204,7m^2 (ngang 05m x dài 41,11m; 40,83m) thuộc một phần thửa 780 tờ bản đồ 35 (20m^2 ONT và 184,7m^2 CLN) trị giá 468.763.000 đồng, có tứ cận:

+ Bắc giáp đường 59-59 dài 05m;

+ Nam giáp thửa 781 dài 05m;

+ Đông giáp phần đất còn lại của anh H dài 41,11m;

+ Tây giáp thửa 220 dài 40,83m.

- Anh Lê Minh H được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.084,3m^2 (80m^2 ONT và 1.004,3m^2 CLN) thuộc một phần thửa 780 tờ bản đồ 35, trị giá 2.483.047.000 đồng, có tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp đường 59-59 dài 11,64m; 10,42m; 13,94m.

+ Hướng Nam giáp thửa 781 dài 30,53m;

+ Hướng Đông giáp thửa 779, 939, 940, 524;

+ Hướng Tây giáp đất ông L, bà T được hưởng dài 41,11m.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất)

2. Ghi nhận anh Lê Minh H cam kết để ông Lê Văn L, bà Phạm Thị T sinh sống trên phần đất anh H được hưởng diện tích 1.084,3m^2 thuộc một phần thửa 780 tờ bản đồ 35 tọa lạc ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh cho đến khi ông L, bà T chết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2023 người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T, huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/10/2018 giữa ông L, bà T với anh H.

Ngày 24/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị nội dung: Cấp sơ thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T, huỷ 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông L, bà T với anh H nhưng buộc anh H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.750.520 đồng là không đúng, gây thiệt hại cho anh H, kháng nghị sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn L thay đổi kháng cáo, chỉ yêu cầu huỷ phần diện tích 1004,3m^2 phần có căn nhà ông L, bà T đang ở còn phần đất trống diện tích ngang 5m dài hết đất giao cho anh H, ông L, bà T tự nguyện tháo dỡ mái che giao phần diện tích ngang 5m cho anh H.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị T, chị Phạm Thị L1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà T, chị L1 theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 05/10/2018 ông L, bà T ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh H diện tích 1.439,1m^2 thửa 780 tờ bản đồ 35 tọa lạc ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Xét thấy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định về hình thức và nội dung hợp đồng, được công chứng và không kèm theo điều kiện gì khác, anh H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đại diện nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận miệng điều kiện phải chu cấp, chăm sóc cho ông L, bà T nhưng anh H không thừa nhận.

Qua xác minh hoàn cảnh anh H khó khăn, việc chu cấp tiền để chăm lo cho ông L, bà T được người con trai tên T1 – hiện đang sống với thành phố Hồ Chí Minh gửi về hơn 10 năm nay và chị V là người giữ tiền, nấu ăn hàng ngày cho ông L, bà T. Do mâu thuẫn với các chị em nên vợ chồng anh H dọn ra ngoài sống riêng từ cuối năm 2022 đến nay phù hợp với lời trình bày của anh H.

Ông L, bà T cho rằng anh H vi phạm nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng để yêu cầu hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất. Xét thấy đây là phần đất duy nhất còn lại của ông L, bà T, anh H là con trai út trong gia đình nên được ông L, bà T tặng cho quyền sử dụng đất còn lại, mục đích để anh H phụng dưỡng, chăm sóc nhưng anh H không thực hiện đúng, hiện tại ông L, bà T già yếu do anh T1 và chị V gửi tiền và chăm sóc, bản thân anh H dọn ra ngoài sinh sống từ cuối năm 2022. Mặc dù hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không ghi điều kiện nhưng hiện tại ông L, bà T đang sinh sống trên phần đất, ông L, bà T già yếu cần phải có người chăm sóc và phụng dưỡng và đây cũng là tài sản duy nhất còn lại của ông L, bà T nhưng anh H khi được ông L, bà T tặng cho đã không chăm sóc, nuôi dưỡng, bỏ ra ngoài sinh sống riêng. Nay ông L, bà T yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho giữa ông L, bà T với anh H đối với phần đất diện tích 1.439,1m^2 thửa 780 tờ bản đồ 35 tọa lạc ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận cũng như phù hợp với tinh thần của Á lệ số 14.

Tuy nhiên, xét thấy hiện nay vợ chồng anh H có hoàn cảnh khó khăn không có nhà để ở và ông L, bà T cũng đồng ý giao phần đất trống có diện tích ngang 5m cho anh H. Xét thấy, anh chị ở nhà thuê, vợ làm công nhân và đang nuôi 02 con nhỏ, ngoài phần đất này thì không còn tài sản nào khác nên giao trả lại cho anh H một phần đất để anh H có tài sản ổn định cuộc sống, cụ thể hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tương đương diện tích 1.084,3m^2 (80m^2 ONT và 1.004,3m^2 CLN) thuộc một phần thửa 780 tờ bản đồ 35, trị giá 2.483.047.000 đồng giao cho ông L, bà T, có tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp đường 59-59 dài 11,64m; 10,42m; 13,94m.

+ Hướng Nam giáp thửa 781 dài 30,53m;

+ Hướng Đông giáp thửa 779, 939, 940, 524 dài 30m; 7,50m; 12,26m.

+ Hướng Tây giáp đất anh H được hưởng dài 41,11m.

Còn phần anh H được hưởng phần diện tích 204,7m^2 (20m^2 ONT và 184,7m^2 CLN) trị giá 468.763.000 đồng, có tứ cận:

+ Bắc giáp đường 59-59 dài 05m;

+ Nam giáp thửa 781 dài 05m;

+ Đông giáp phần đất của ông L, bà T được hưởng dài 41,11m;

+ Tây giáp thừa 220, 209 dài 40,83m.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Cấp sơ thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T, huỷ 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông L, bà T với anh H. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án anh H chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận 01 phần.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn L.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023, của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 459, 462, 500, 503 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, 157, 165, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 103 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà Phạm Thị T đối với anh Lê Minh H về việc "Tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/10/2018 giữa ông Lê Văn L, bà Phạm Thị T và anh Lê Minh H đối với diện tích 1.439,1m^2 (đo đạc thực tế 1.289m^2) thửa 780 tờ bản đồ 35 tọa lạc tại ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Lê Văn L, bà Phạm Thị T được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.084,3m^2 (80m^2 ONT và 1.004,3m^2 CLN) thuộc một phần thửa 780 tờ bản đồ 35, trị giá 2.483.047.000 đồng và sở hữu 01 căn nhà cấp 4 (không còn giá trị sử dụng), phần đất có tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp đường 59-59 dài 11,64m; 10,42m; 13,94m.

+ Hướng Nam giáp thửa 781 dài 30,53m;

+ Hướng Đông giáp thửa 779, 939, 940, 524; dài 30m; 7,50m; 12,26m.

+ Hướng Tây giáp đất anh H được hưởng dài 41,11m.

- Anh Lê Minh H được quyền sử dụng phần đất diện tích 204,7m^2 (ngang 05m x dài 41,11m; 40,83m) thuộc một phần thửa 780 tờ bản đồ 35 (20m^2 ONT và 184,7m^2 CLN) trị giá 468.763.000 đồng, có tứ cận:

+ Bắc giáp đường 59-59 dài 05m;

+ Nam giáp thửa 781 dài 05m;

+ Đông giáp phần đất ông L, bà T được hưởng dài 41,11m;

+ Tây giáp thửa 220, 209 dài 40,83m.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L, bà T tự tháo dỡ mái che giao cho anh H phần diện tích đất nêu trên.

Ông L, bà T được quyền đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03817 ngày 28/11/2018 cho anh Lê Minh H để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

2. Chi phí tố tụng:

Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: 19.500.000 đồng.

Anh H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L, bà T số tiền 16.404.000 đồng

Ông L, bà T phải chịu: 3.096.000 đồng (đã nộp đủ)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L, bà T được miễn tiền án phí.

Anh Lê Minh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND H Dương Minh Châu;
- CCTHADS H Dương Minh Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thúy Hằng